TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 24-3-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam

Địa chỉ: Lô C1-1 đến lộ C1-5, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông YUAN AI. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông XIAO DI FEI. Chức vụ: Giám đốc

(Theo Hợp đồng uỷ quyền số 01/2022/EVGVN ngày 03/01/2022 của Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam)

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, tòa nhà số 24, đường 37, khu đô thị Vạn Phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông XIAO DI FEI: Ông Nguyễn Duy K – Nhân viên.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, tòa nhà số 24, đường 37, khu đô thị Vạn Phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản uỷ quyền ngày 05/4/2022) (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Nhất, xã H H, huyện C B, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022 Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy K trình bày:

Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Evergreen) là đơn vị cung cấp thức ăn cho cá. Ông Lê Minh T là đại lý tiêu thụ sản phẩm (mua thức ăn cho cá) của Công ty Evergreen.

Ngày 29/01/2021, Công ty E và ông Lê Minh T ký kết Hợp đồng đại lý số 2021HĐ043 có thời hạn đến ngày 31/12/2021, theo đó: Ông Lê Minh T tiêu thụ sản phẩm thức ăn cho cá của Công ty E theo đơn đặt hàng từng đợt. Thực hiện hợp đồng nêu trên, Công ty E đã giao đúng, đủ hàng hóa theo hợp đồng và thỏa thuận giữa các bên cho từng đơn đặt hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc Hợp đồng đại lý vào ngày 31/12/2021, hai bên không còn giao nhận hàng, nhưng ông Lê Minh T vẫn không thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn nợ cho Công ty Evergreen.

Ngày 11/02/2022, giữa Công ty E và ông Lê Minh T ký bảng đối chiếu công nợ (2022-01) xác định ông T còn nợ tổng số tiền là 220.000.000đồng. Ngày 23/03/2022, Công ty E gửi văn bản đề nghị thanh toán cho ông Lê Minh T, yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền công nợ còn thiếu là 220.000.000đồng và các khoản tiền lãi theo quy định. Nhưng ông Lê Minh T chỉ chuyển tiền, thanh toán cho Công ty E số tiền 30.000.000đồng. Như vậy, ông T còn nợ, chưa thanh toán cho Công ty E số tiền là 190.000.000đồng. Vì vậy, Công ty E khởi kiện ông Lê Minh T và yêu cầu:

- Buộc ông Lê Minh T thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là: 190.000.000đồng cho Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam.

- Buộc ông Lê Minh T phải trả cho Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2022 (vì ngày hết hiệu lực Hợp đồng đại lý số 2021HĐ043 là ngày 31/12/2021) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 24/3/2023.

- Buộc ông Lê Minh T phải thanh toán toàn bộ, một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù theo khoản 4 Điều 5 hợp đồng đại lý của hai bên thoả thuận: "*Dưới bất kỳ hình thức thanh toán nào, tất cả công nợ phải hoàn thành trong thời hạn quy định của hợp đồng… Nếu bên B (ông T) vi phạm kéo dài thời gian công nợ, thì mỗi tháng phải trả 1% mức công nợ bồi thường chi phí tổn thất tài chính"* nhưng vì trong đơn khởi kiện ban đầu Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất tạm tính là 10%/năm nên tại phiên tòa ngày

24/3/2023, đại diện nguyên đơn xác định không thay đổi yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên mức tính lãi này. Ngoài ra, Công ty không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án, cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, hợp đồng được ký kết giữa các đương sự, các hóa đơn giá trị gia tăng, bảng đối chiếu công nợ, lời trình bày của đại diện nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam và ông Lê Minh T có ký kết Hợp đồng đại lý số 2021HĐ043 có thời hạn đến ngày 31/12/2021. Theo quy định tại Điều 166 Luật Thương mại năm 2005 "*Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý thoả thuận việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hoá cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao*". Đồng thời, theo quy định tại Điều 167 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên giao đại lý và bên đại lý phải là thương nhân. Tại khoản 1, Điều 6 Luật Thương mại năm 2005 quy định "*1. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh".* Xét thấy, Hợp đồng đại lý số 2021HĐ043 có thời hạn đến ngày 31/12/2021 có thể hiện hình thức là Hợp đồng đại lý. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T đều vắng mặt và không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào, ông T là bên đại lý nhưng không có đăng ký kinh doanh nên không phải là thương nhân. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty E đều xác định "*Công ty E không có tiêu chuẩn để thành lập đại lý…và đều có mẫu hợp đồng chung của Công ty E là* "*Hợp đồng đại lý" … để ký kết và thực hiện việc mua bán thức ăn cho cá với các cá nhân*". Trong quan hệ đại lý mua bán hàng hóa, bên đại lý chỉ giao hàng hóa cho bên đại lý bán hàng mà không chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên đại lý, bên đại lý chỉ có vai trò của một người làm dịch vụ trung gian nối liền sự liên kết của bên giao đại lý với khách hàng nhưng Công ty E lại chuyển giao toàn bộ hàng hóa là cung cấp thức ăn cá cho ông T, Công ty đã giao cho ông T đầy đủ hàng

hóa theo các đơn đặt hàng của ông T, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng cho ông T. Cụ thể, thông qua các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã cung cấp đều thể hiện *"bên bán hàng"* là Công ty E và *"bên mua hàng"* là ông Lê Minh T. Do đó, có cơ sở xác định bản chất của Hợp đồng đại lý số 2021HĐ043 có thời hạn đến ngày 31/12/2021 là Hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể là cung cấp thức ăn cho cá nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa".*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam với ông Lê Minh T. Tại Điều 9 của hợp đồng ký kết giữa Công ty E với ông Lê Minh T có thỏa thuận Toà án có thẩm quyền giải quyết khi hai bên phát sinh tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn. Nguyên đơn có địa chỉ tại KCN Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn Công ty E yêu cầu ông Lê Minh T thanh toán số tiền thức ăn cho cá còn thiếu theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/02/2022 là 190.000.000đồng, thấy rằng: Đến ngày 11/02/2022, giữa Công ty E và ông Lê Minh T đã ký biên bản đối chiếu công nợ và hai bên xác định ông Lê Minh T còn thiếu Công ty 220.000.000đồng tiền hàng và các khoản tiền lãi theo quy định, ông T đã thống nhất và ký tên xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ này. Sau khi đối chiếu công nợ ông T thanh toán cho Công ty E số tiền 30.000.000đồng và sau đó ông T không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Công ty Evergreen. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, biên bản đối chiếu công nợ và sự thừa nhận trả nợ của nguyên đơn thì có cơ sở xác nhận ông T còn nợ và chưa thanh toán cho Công ty E số tiền là 190.000.000đồng. Hơn nữa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn ông Lê Minh T biết về yêu cầu khởi kiện của Công ty E đối với ông T. Tuy nhiên, ông T không đến toà và cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào phản đối lại yêu cầu của Công ty E nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với sự vắng mặt của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, căn cứ Điều 351, Điều 353, Điều 410, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Công ty E khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T trả số tiền 190.000.000đồng tiền sản phẩm tiêu thụ còn nợ là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam trên số tiền chậm trả 190.000.000đồng từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/3/2023 theo mức lãi suất là 10%/năm thấy rằng: Theo Hợp đồng đại

lý số 2021HĐ043 ngày 29/01/2021 mà hai bên đã ký kết thì thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 31/12/2021, đến hạn bị đơn ông Lê Minh T không thanh toán đủ tiền hàng theo thoả thuận nên ông T đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 01/01/2022, ngoài ra, theo khoản 4 Điều 5 hợp đồng đại lý của hai bên thoả thuận: "*Dưới bất kỳ hình thức thanh toán nào, tất cả công nợ phải hoàn thành trong thời hạn quy định của hợp đồng… Nếu bên B (ông T) vi phạm kéo dài thời gian công nợ, thì mỗi tháng phải trả 1% mức công nợ bồi thường chi phí tổn thất tài chính"*, tính thời điểm kết thúc hợp đồng số tiền ông T còn nợ Công ty là 220.000.000đồng đến sau khi đối chiếu công nợ ngày 11/02/2022 thì ông T mới thanh toán thêm cho Công ty E số tiền 30.000.000đồng. Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH E chỉ yêu cầu ông T trả tiền chậm thanh toán trên số tiền 190.000.000đồng với mức lãi suất 10%/năm, thời hạn tính từ ngày 01/01/2022 là phù hợp với Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích tại mục [2.1], [2.2] [2.3] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Evergreen, buộc ông Lê Minh T phải trả cho Công ty E số tiền nợ gốc là 190.000.000đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 24/3/2023 là: 23.644.000đồng (=10%/12tháng/30ngày x 190.000.000 đồng x 448ngày). Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho Công ty E là 213.644.000đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 351, Điều 353, Điều 410, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam đối với bị đơn ông Lê Minh T về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

1. Buộc ông Lê Minh T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam số tiền còn nợ là 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Lê Minh T phải trả cho Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tính từ ngày

01/01/2022 đến ngày 24/3/2023 là 23.644.000đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Tổng số tiền ông Lê Minh T phải trả cho Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam là 213.644.000đồng (Hai trăm mười ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 358, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Minh T phải chịu 10.682.200đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật E Việt Nam số tiền 4.890.547 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011859 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy